

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 606/2025/DS-PT
Ngày: 11-9-2025
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài
sản, đòi lại giấy tờ xe

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Huỳnh Thị Hồng Vân
bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 về “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản, đòi lại giấy tờ xe*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 375/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Ngô Phú K, sinh năm 1985; CCCD số: 052085000111; địa chỉ: Số F đường số A, MCLOSA K, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ cũ: Số F đường số A, MCLOSA K, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: ông Lê Nguyễn Trí T, sinh năm 1994; địa chỉ: Số D L, Ấp C, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ cũ: Số D L, Ấp C, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K: bà Lương Thị Hoàng Y – Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số D L, Ấp C, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ cũ: Số D L, Ấp C, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Công ty TNHH MTV S (có yêu cầu phản tố)

Địa chỉ trụ sở: Lô A, đường số D, KCN H, ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ cũ: Lô A, đường số D, KCN H, ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty S: ông Lê Văn C, sinh năm 1959; địa chỉ: Lô A, đường số D, KCN H (GD 3+4), ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ cũ: Lô A, đường số D, KCN H (GD 3 +4), ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 06/3/2024).

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1968; địa chỉ: Số G K, phường N, tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ cũ: Số G K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Công ty TNHH H; địa chỉ: KCN H, ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ cũ: KCN H, ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty H: bà Dương Thùy L, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ cũ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 10/02/2025).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Võ Công K1, sinh năm 1971; CCCD số: 056071004196 cấp ngày 05/10/2022; địa chỉ: Thôn T, xã D, tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ cũ: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn, ông Ngô Phú K và bị đơn, ông Nguyễn Văn T1.

(Ông Lê Nguyễn Trí T, Luật sư Lương Thị Hoàng Y, ông Lê Văn C, ông Nguyễn Văn T1 có mặt; bà Dương Thùy L, ông Võ Công K1 vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 26/01/2024, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ghi ngày 07/01/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Ngô Phú K do ông Lê Nguyễn Trí T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/10/2023, ông Ngô Phú K điều khiển xe ô tô con mang biển số 51H-710.42 lưu thông trên đường N, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến giao lộ N – Đồng Văn C1, xe của ông K bị xe ô tô khách mang biển số 62B-018.75 do ông Nguyễn Văn T1 điều khiển gây ra tai nạn. Hậu quả là xe ô tô con mang biển số 51H-710.42 của ông Ngô Phú K bị hư hỏng nặng ở phần đầu xe và phần đuôi xe. Các bên thống nhất tự thỏa thuận và lập Bản thỏa thuận ngày 12/10/2023 với nội dung: ông T1 phải bồi thường như sau: “*Tự liên hệ cơ sở bảo hiểm bắt buộc để sửa chữa cho xe ô tô con biển số 51H-710.42 phần đuôi xe. Còn phần đầu xe ông Nguyễn Văn T1 đồng ý chi trả 60% tiền sửa chữa phần đầu xe cho ông Ngô Phú K*”.

Để đảm bảo cho việc bồi thường, ông T1 giao cho ông K giữ bản chính các giấy tờ xe gồm: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DA6020553 ngày 28/6/2023 đối với phương tiện biển đăng ký: 62B-018.75; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 62 002091 ngày 10/02/2023 đối với phương tiện biển số đăng ký: 62B-018.75, tên chủ

xe: Công ty TNHH MTV S (viết tắt là Công ty S); Giấy phép lái xe số 580996000087 ngày 28/7/2023 của ông Nguyễn Văn T1.

Ông K đã đưa xe ô tô biển số 51H-710.42 đến sửa chữa tại Công ty Cổ phần Ô, chi phí sửa chữa như sau: tổng chi phí sửa chữa phần đuôi xe: 114.614.280 đồng; tổng chi phí sửa chữa phần đầu xe: 119.093.940 đồng (có kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty Cổ phần Ô). Số tiền tương ứng với 60% chi phí sửa chữa phần đầu xe là: 71.456.364 đồng. Như vậy, tổng số tiền chi phí sửa chữa phải bồi thường là 186.070.644 đồng.

Ông T1 đang là nhân viên của Công ty TNHH H (viết tắt là Công ty H); chủ xe đăng ký phương tiện xe ô tô khách mang biển số 62B-018.75 là Công ty S. Vì vậy, ông K khởi kiện yêu cầu Công ty S, Công ty H và ông T1 phải liên đới bồi thường thiệt hại số tiền là 186.070.644 đồng.

Ông K không đồng ý với toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty S về yêu cầu ông K phải trả lại các giấy tờ liên quan đến xe ô tô biển số 62B-018.75. Tất cả các giấy tờ này đều do ông T1 tự nguyện giao cho ông K để đảm bảo cho việc bồi thường thiệt hại, ông K không giữ trái phép các giấy tờ này. Ông K sẽ trả cho Công ty S ngay sau khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường.

Theo đơn khởi kiện phản tố ghi ngày 16/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Công ty S do ông Lê Văn C đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo Hợp đồng thuê xe ngày 01/6/2023, Công ty S cho Công ty H thuê xe ô tô biển số 62B-018.75, giá thuê 30.000.000 đồng/tháng, thanh toán 06 (sáu) tháng một lần. Ngày 12/10/2023, xe ô tô biển số 62B-018.75 xảy ra va chạm với xe của ông K, giấy tờ xe do ông K giữ, xe không lưu thông được nên Công ty S không thu được tiền cho thuê xe.

Công ty S không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K và có yêu cầu phản tố buộc ông K phải trả cho bản chính các giấy tờ liên quan xe ô tô biển số 62B-018.75. Trường hợp ông K không trả thì Công ty được quyền liên hệ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại các giấy tờ liên quan đến xe ô tô biển số 62B-018.75 theo quy định pháp luật.

Bị đơn, Công ty H do bà Dương Thùy L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Từ tháng 5/2023 đến tháng 9/2023, ông T1 là nhân viên của Công ty H, công việc là lái xe đưa đón nhân viên đến nơi làm việc. Xe ô tô biển số 62B-018.75 là của Công ty S cho Công ty H thuê theo Hợp đồng thuê xe ngày 01/6/2023.

Ngày 12/10/2023, ông T1 điều khiển xe biển số 62B-018.75 từ bãi giữ xe mà Công ty thuê để đón nhân viên đi làm. Từ ngày này, ông T1 không về lại Công ty để nộp phiếu điều động xe và trả xe vào bãi giữ xe, mọi liên lạc với ông T1 đều không thực hiện được. Ông T1 đã tự ý nghỉ việc không lý do. Công ty H tìm để lấy lại xe thì phát hiện xe tại bãi xe của Công ty cổ phần Ô với tình trạng bị hư hỏng, không có niêm phong, không có biên bản gửi, giữ xe. Qua tìm hiểu, Công ty được biết ông T1 điều khiển xe gây va chạm với xe của ông K. Đồng thời, toàn bộ

giấy tờ xe đã bị mất cùng một số vật dụng trên xe. Công ty chưa nhận được biên bản hiện trường của bên Công ty bảo hiểm nên không bồi thường theo yêu cầu của ông K. Thỏa thuận giữa ông K và ông T1 không liên quan đến Công ty H, do chưa có sự đồng ý của Công ty H. Ngoài ra, Công ty cũng không chứng minh được việc ông T1 ký với ông K giấy thỏa thuận trong tình trạng ông T1 tự nguyện hay bị ép buộc nên Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Võ Công K1 có văn bản trình bày: ngày 12/10/2023, ông đang điều khiển xe container biển số 79C-054.82 trên đường N, thành phố T thì bị xe ô tô con biển số 51H-710.42 và xe ô tô khách biển số 62B-018.75 va chạm. Sau khi xảy ra va chạm, các bên có lập biên bản thỏa thuận ngày 12/10/2023. Theo ông nhớ bản thỏa thuận do một Chiến sĩ Công an viết giùm và các bên ký tên vào bản thỏa thuận. Ông có ký tên vào biên bản và xác nhận tự đem xe về sửa chữa, không yêu cầu bồi thường, ngoài ra không lập biên bản nào khác. Trong vụ tranh chấp này không liên quan đến ông và ông không có yêu cầu gì nên xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xử (tóm tắt):

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Phú K về việc “tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản” đối với ông Nguyễn Văn T1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Phú K về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV S và Công ty TNHH H liên đới với ông Nguyễn Văn T1 bồi thường thiệt hại về tài sản.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH MTV S về việc buộc ông Ngô Phú K phải trả lại các giấy tờ liên quan đến xe biển số 62B-018.75.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải bồi thường cho ông Ngô Phú K số tiền 186.070.644 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi ngàn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

3. Buộc ông Ngô Phú K phải trả cho Công ty TNHH MTV S các giấy tờ sau:

Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DA6020553 ngày 28/6/2023 đối với phương tiện biển đăng ký: 62B-018.75;

Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 62 002091 ngày 10/02/2023 đối với phương tiện biển số đăng ký: 62B-018.75, tên chủ xe: Công ty TNHH MTV S;

Trường hợp ông Ngô Phú K không trả cho Công ty TNHH MTV S các giấy tờ nêu trên thì Công ty TNHH MTV S được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/5/2025 và ngày 03/6/2025, nguyên đơn ông Ngô Phú K và bị đơn ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về nghĩa vụ liên đới trách nhiệm của Công ty S và Công ty H.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Lê Nguyễn Trí T đại diện cho ông Ngô Phú K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K là Luật sư Lương Thị Hoàng Y trình bày ý kiến:

Ông T1 có hành vi điều khiển xe ô tô mang biển số 62B-018.75 không giữ khoảng cách an toàn dẫn đến gây tai nạn giao thông, hậu quả làm xe ô tô mang biển số 51H-710.42 của ông K bị hư hỏng nặng ở phần đầu xe và phần đuôi xe với tổng chi phí sửa chữa phần đuôi xe và 60% phần đầu xe là 186.070.644 đồng. Các bên có lập Bản thỏa thuận ngày 12/10/2023 về việc thỏa thuận bồi thường. Xe ô tô mang biển số 62B-018.75 là nguồn nguy hiểm cao độ và Công ty S là chủ sở hữu thì phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cả khi không có lỗi theo quy định tại khoản 2 Điều 2 và điểm a khoản 1 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ 2024; Điều 601 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hợp đồng thuê xe ngày 01/6/2023 giữa Công ty S và Công ty H không đúng quy định pháp luật, có khả năng phía 2 công ty cố tình lập ra hợp đồng này để làm phức tạp nội dung vụ án, nhằm trốn tránh trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông K. Tại thời điểm xảy ra va chạm thì ông T1 là nhân viên hợp pháp của Công ty H.

Từ những phân tích trên cho thấy Công ty S là chủ sở hữu xe ô tô biển số 62B-018.75 nhưng có lỗi trong việc giao xe cho ông T1 là nhân viên Công ty H điều khiển không đúng quy định dẫn đến gây tai nạn giao thông gây thiệt hại cho ông K. Do đó, Công ty S, Công ty H và ông T1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho ông K và liên đới hoàn lại cho ông K chi phí tố tụng. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông K.

Ông Nguyễn Văn T1 trình bày: đối với chi phí mà ông K đã sửa chữa xe thì yêu cầu khấu trừ số tiền Công ty B đã chi trả, số tiền còn lại phải xem xét trách nhiệm của ông K vì ông K cũng có lỗi, đã dùng xe đột ngột đụng vào đuôi xe container phía trước, sau đó ông mới đụng vào đuôi xe của ông K. Thời điểm xảy ra tai nạn, ông đang là lái xe cho Công ty H, việc ký biên bản thỏa thuận là theo chỉ đạo của Công ty nên Công ty phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông K.

Ông Lê Văn C không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông K và ông T1.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: người đại diện của ông K xác định do các bên đã tự thỏa thuận nên ông K không yêu cầu Công ty bảo hiểm chi trả, do đó kháng cáo của ông T1 yêu cầu khấu trừ tiền Công ty bảo hiểm đã bồi thường là không có căn cứ để được chấp nhận, mà xác định thiệt hại thực tế xảy ra là 186.070.644 đồng. Công ty S đã cho Công ty H thuê xe, hợp đồng thuê xe không có thỏa thuận về trách nhiệm của Công

ty S phải bồi thường thiệt hại nếu Công ty H gây ra trong thời gian sử dụng xe; tại thời điểm xảy ra tai nạn không phải trong khung giờ làm việc của ông T1. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông K và ông T1 yêu cầu Công ty S và Công ty H liên đới bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo ông Ngô Phú K và ông Nguyễn Văn T1 thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: ông Võ Công K1, bà Dương Thùy L vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo về số tiền thiệt hại; ông Ngô Phú K và ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo về buộc trách nhiệm liên đới của Công ty S và Công ty H bồi thường thiệt hại cho ông K số tiền sửa chữa xe. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại các phần nội dung có kháng cáo của bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 yêu cầu khấu trừ số tiền thiệt hại đã được Công ty B

[4] Theo các hóa đơn của Công ty Cổ phần Ô, chi phí sửa chữa xe ô tô biển số 51H-710.42 như sau: tổng chi phí sửa chữa phần đuôi xe: 114.614.280 đồng; tổng chi phí sửa chữa phần đầu xe: 119.093.940 đồng. Số tiền tương ứng với 60% chi phí sửa chữa phần đầu xe là: 71.456.364 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T xác định ông K chỉ mua bảo hiểm bắt buộc, không mua bảo hiểm tự nguyện bảo hiểm vật chất đối với thân xe. Do các bên đã có biên bản thỏa thuận bồi thường, nên ông K không yêu cầu Công ty bảo hiểm chi trả thiệt hại. Tổng số tiền chi phí sửa chữa ông K yêu cầu phải được bồi thường là 186.070.644 đồng. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông T1 về việc khấu trừ số tiền bảo hiểm chi trả.

Xét kháng cáo của ông Ngô Phú K và ông Nguyễn Văn T1 về trách nhiệm bồi thường

[5] Đối với ý kiến của đại diện nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, vì xe ô tô biển số 62B-018.75 là nguồn nguy hiểm cao độ, nên Công ty S là chủ sở hữu xe thì phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cả khi không có lỗi theo quy định tại Điều 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận ý kiến này, bởi lẽ, theo quy định tại khoản 18 Điều 3 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008, thì cả 3 xe trong vụ tai nạn đều là xe cơ giới, nên cần căn cứ Điều 584 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

[6] Hồ sơ vụ án thể hiện và trình bày của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, thì ông Ngô Phú K, ông Nguyễn Văn T1 và ông Võ Công K1 cùng thống nhất xác định các tình tiết như sau: vào ngày 12/10/2023, khi 03 đương sự đang điều khiển xe cơ giới lưu thông trên đường N, thành phố T, thì có xảy ra va chạm giữa 03 xe: xe ô tô kéo rơ moóc biển số 79C-054.82 do ông K1 điều khiển, xe ô tô con biển số 51H-710.42 do ông K điều khiển và xe ô tô biển số 62B-018.75 do ông T1 điều khiển. Sau khi xảy ra va chạm, ông K, ông K1 và ông T1 có lập và ký tên vào bản thỏa thuận ngày 12/10/2023, có nội dung: “...xe ô tô đầu kéo biển số 79C-054.82 không bị hư hỏng nặng nên tự đem xe về sửa chữa, không yêu cầu bồi thường;...ông Nguyễn Văn T1 tự nhận thấy do mình điều khiển xe không giữ khoảng cách an toàn đã gây ra vụ tai nạn và tự cam kết đem ô tô khách biển số 62B-018.75 về tự sửa chữa và tự liên hệ cơ sở bảo hiểm bắt buộc để sửa chữa cho xe ô tô con biển số 51H-710.42 phần đuôi xe, còn phần đầu xe ông Nguyễn Văn T1 đồng ý chi trả 60% tiền sửa chữa phần đầu xe cho ông Ngô Phú K.... các bên thống nhất thỏa thuận dân sự ngay tại hiện trường vụ va chạm trước khi cơ quan cảnh sát tới, các bên không yêu cầu cơ quan công an lập hồ sơ tai nạn, ...”. Ông K xác định, sau khi lập bản thỏa thuận, ông T1 đã giao cho ông K giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, Giấy chứng nhận kiểm định xe biển số 62B-018.75 đứng tên Công ty S và Giấy phép lái xe số 580996000087 ngày 28/7/2023 đứng tên ông T1.

[7] Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng, thì chủ sở hữu cả 3 chiếc xe đều phải mua bảo hiểm bắt buộc. Ông T xác định ông K có mua bảo hiểm bắt buộc đối với xe ô tô con biển số 51H-710.42. Tuy nhiên, khi xảy ra tai nạn, ông K, ông T1 không báo cho doanh nghiệp B1 để phối hợp giám định tổn thất, xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất làm căn cứ giải quyết bồi thường bảo hiểm, theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ. Tại thời điểm xảy ra tai nạn, ông K và ông T1 đều biết rõ rằng, chiếc xe ông T1 điều khiển là thuộc quyền sở hữu của Công ty S; ông T1 cũng biết rằng, ông đang là nhân viên hợp đồng lái xe cho Công ty H, nhưng, trong biên bản này, hoàn toàn không có ý kiến của người đại diện hợp pháp của Công ty S và Công ty H. Bản thỏa thuận thể hiện cá nhân ông T1 tự nguyện bồi thường và đã được ông K đồng ý. Do đó, tại đoạn [2.2] phần nhận định của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định: “do sự thỏa thuận của các bên chỉ có ông T1, ông K và ông K1, không có sự xác nhận của cơ quan có thẩm quyền...”, từ đó, không chấp nhận yêu cầu của ông K đòi Công ty H và Công ty S phải liên đới bồi thường, là hoàn toàn có căn cứ theo khoản 1 Điều 584 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của ông Ngô Phú K và ông Nguyễn Văn T1 là không có căn cứ để được chấp nhận.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Ngô Phú K và ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Phú K và ông Nguyễn Văn T1.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3-Tây Ninh).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: buộc ông Ngô Phú K và ông Nguyễn Văn T1 mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông K, ông T1 mỗi người đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) lần lượt theo các biên lai thu số 0006923 ngày 13/5/2025 và số 0007140 ngày 03/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3-Tây Ninh), nên ông Ngô Phú K và ông Nguyễn Văn T1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Về hướng dẫn thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 3-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

